

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI KÌ I MÔN LỊCH SỬ - ĐỊA LÍ 7

A) PHẦN LỊCH SỬ:

Câu 1: Trình bày một số thành tựu tiêu biểu của phong trào văn hoá Phục hưng?
Phong trào văn hoá Phục hưng có ý nghĩa và tác động đến xã hội Tây Âu như thế nào?

Câu 2: Tại sao nói thời Đường là thời kì thịnh vượng của chế độ phong kiến Trung Quốc?

Câu 3: Liên hệ với lịch sử Việt Nam, em hãy tìm hiểu thêm và chia sẻ : Từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX, triều đại phong kiến Trung Quốc nào đã xâm lược nước ta?

Câu 4 : Kể tên các triều đại phong kiến ở Ấn Độ từ thế kỉ IV đến giữa thế kỉ XIX?
Tại sao nói dưới thời vương triều Gupta là thời kì hoàng kim của Ấn Độ?

Câu 5: Nêu những thành tựu văn hoá tiêu biểu của các vương quốc phong kiến Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI?

B) PHẦN ĐỊA LÍ:

Câu 1: Trình bày đặc điểm vị trí địa lí , hình dạng, kích thước và địa hình của châu Á?

Câu 2: Nêu đặc điểm dân cư – xã hội châu Á? Tại sao khu vực Bắc Á có dân cư thưa thớt?

Câu 3 : Trình bày đặc điểm khí hậu của châu Á? Em hãy liên hệ với đặc điểm khí hậu nước ta?

Câu 4: Kể tên và nơi phân bố một số khoáng sản chính ở châu Á? Ý nghĩa của tài nguyên khoáng sản đối với các nước châu Á?

Câu 5: Trên bản đồ chính trị châu Á được chia thành những khu vực nào? Nêu một số đặc điểm tự nhiên ở khu vực Bắc Á?

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ I MÔN GDCD 7

I. LÝ THUYẾT: Ôn tập các nội dung:

Câu 1: Nêu một số truyền thống văn hoá của quê hương. Kể những việc cần làm phù hợp với bản thân để giữ gìn phát huy truyền thống quê hương.

Câu 2: Nêu những biểu hiện của sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác. Giải thích vì sao mọi người phải quan tâm, cảm thông và chia sẻ với nhau.

Câu 3: Nêu các biểu hiện của học tập tự giác, tích cực. Giải thích vì sao phải học tập tự giác, tích cực.

Câu 4: Trình bày giữ chữ tín là gì. Nêu biểu hiện của giữ chữ tín. Giải thích vì sao phải giữ chữ tín.

Câu 5: Nêu khái niệm di sản văn hoá. Liệt kê một số loại di sản văn hoá của Việt Nam.

Câu 6: Giải thích ý nghĩa của di sản văn hoá đối với con người và xã hội. Trình bày trách nhiệm của học sinh trong việc bảo tồn di sản văn hoá.

II. BÀI TẬP

1. Trắc nghiệm: Ôn tập toàn bộ kiến thức

2. Bài tập:

Câu 1: Em hãy nhận xét hành vi của các bạn dưới đây:

- Mặc dù rất yêu quý ông bà nhưng N ít khi gọi điện hỏi thăm vì cho rằng như thế là không cần thiết.
- Trên đường đi học về, thấy một bạn bị bắt nạt, H đã dừng lại can ngăn.
- H thường xuyên trề hện với bạn bè.
- T tham gia câu lạc bộ hát quan họ ở địa phương.
- M không giúp người gặp tai nạn vì sợ vạ lây.

Câu 2: Cho tình huống:

Tình huống 1:

Ở Khu Di tích Quốc gia đặc biệt Tân Trào, trên nhiều công trình bị du khách viết, vẽ, ... gây mất mỹ quan. Trên một số cây cột hàng trăm năm tuổi ở đình Tân Trào, một số người đã khắc tên, địa chỉ hoặc các hình trái tim, hoa lá, ... Thậm chí có người để lại cả địa chỉ, số điện thoại, tài khoản mạng xã hội, ... Không chỉ ở trên những công trình, vật dụng tại khu di tích, ngay cả các thân cây, tảng đá và một số bia trong khu di tích cũng bị viết, vẽ gây mất mỹ quan.

- Em đồng ý hay không đồng ý với những việc làm trên? Vì sao?
- Nếu gặp những người đang viết, vẽ như vậy, em có thể nói gì với họ?

Tình huống 2

Cuối tuần, lớp 7A được tham quan và học tập ở khu di tích lịch sử. Cả lớp rất hào hứng vì được cô hướng dẫn viên giới thiệu rất tỉ mỉ về từng di tích, giúp các em hiểu thêm về lịch sử đánh giặc giữ nước của ông cha ta. Tuy nhiên, một số bạn không tập trung nghe cô nói mà tự ý tách đoàn để đi chụp ảnh, tìm cách viết tên mình lên khu di tích.

- Em có nhận xét gì về việc làm của một số bạn trong tình huống trên?
- Nếu là học sinh lớp 7A, em sẽ làm gì?

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI KÌ I MÔN NGỮ VĂN 7

I. Mục tiêu cần đạt:

- Học sinh nắm vững tri thức ngữ văn về: truyện ngắn, thơ bốn chữ, năm chữ, thơ tám chữ, thơ tự do
- Học sinh có kỹ năng đọc hiểu một văn bản truyện hoặc thơ ngoài chương trình, kỹ năng viết bài văn cảm nhận về thơ, nhân vật trong truyện, biểu cảm về con người và sự vật.

- Học sinh có các phẩm chất: nhân ái, trung thực, siêng năng, yêu nước.

II. Nội dung ôn tập: (từ tuần 1 đến tuần 14)

I. Đọc hiểu văn bản

Truyện ngắn/Thơ tự do, Thơ 4 chữ, 5 chữ, 8 chữ về các chủ đề: Bầu trời tuổi thơ, Khúc nhạc tâm hồn, Cội nguồn yêu thương, Giai điệu đất nước, Màu sắc trăm miền

* Các dạng câu hỏi đọc- hiểu

- Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện qua ngôn ngữ; rút ra chủ đề, thông điệp của tác phẩm; phân tích được giá trị biểu đạt của từ ngữ, hình ảnh, vần nhịp, biện pháp tu từ

- Thể hiện được ý kiến, quan điểm về những vấn đề đặt ra trong ngữ liệu.

- Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân.

- Đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách nhìn riêng về con người, cuộc sống; qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu. ...

II. Thực hành tiếng Việt

Nắm vững kiến thức về các đơn vị kiến thức tiếng Việt đã học:

- Từ chia theo cấu tạo: từ đơn, từ ghép, từ láy

- Nghĩa của từ

- Các biện pháp tu từ

- Trạng ngữ

- Câu mở rộng thành phần

- Phó từ, số từ

- Ngữ cảnh và nghĩa của từ trong ngữ cảnh

* Chú ý: Dạng bài phân tích tác dụng của các biện pháp tu từ

III. Viết

- Viết đoạn văn / bài văn ghi lại cảm xúc về một đoạn thơ hay bài thơ.

- Viết đoạn văn/bài văn cảm nhận về đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.

- Viết đoạn văn / bài văn biểu cảm về con người và sự vật.

ĐỀ CƯƠNG CUỐI KÌ 1 MÔN KHTN 7

Năm học 2023 - 2024

I. Phần trắc nghiệm:

Câu 1: Phát biểu nào sau đây đúng?

A. Hạt nhân nguyên tử cấu tạo từ proton và electron.

B. Hạt nhân nguyên tử cấu tạo từ proton, neutron và electron.

C. Hạt nhân nguyên tử cấu tạo từ neutron và proton.

D. Hạt nhân nguyên tử cấu tạo từ proton.

D. Nguyên tử cấu tạo từ electron.

Câu 2: Tổng số hạt trong nguyên tử C là 18. số hạt không mang điện chiếm 33,33%. số hạt của nguyên tử C là:

- A. 5p, 6n, 7e. B. 7p, 6n, 5e. C. 6p, 5n, 7e. D. 6p, 6n, 6e.

Câu 3: Nguyên tử của một nguyên tố gồm 115 hạt. số hạt mang điện nhiều hơn hạt không mang điện là 25 hạt. Xác định số hạt p, n, e trong nguyên tử đó.

- A. 35p, 45n, 35e. B. 35p, 45n, 30e. C. 35p, 45n, 30e. D. 35p, 40n, 35e.

Câu 4 : Nguyên tử của nguyên tố aluminium có số hiệu nguyên tử là 13. Phát biểu nào dưới đây **không** đúng?

- A. Nguyên tử aluminium có 13 protons trong hạt nhân.
B. Nguyên tử aluminium có 13 electrons.
C. Nguyên tử aluminium có số đơn vị điện tích hạt nhân là 13.
D. Nguyên tử aluminium có 14 neutrons trong hạt nhân.

Câu 5: Trong tự nhiên có hai loại nguyên tử đều thuộc cùng một nguyên tố hóa học là Ne ($Z = 10$). Một loại là các nguyên tử Ne có khối lượng nguyên tử là 20 amu và loại còn lại là các nguyên tử Ne có khối lượng nguyên tử là 22 amu. Số hạt neutrons có trong hạt nhân của các nguyên tử Ne có khối lượng 22 amu là

- A. 10. B. 12. C. 20. D. 22.

Câu 6: Cách viết nào dưới đây có ý nghĩa là “2 nguyên tử clo”?

- A. 2 Cl. B. 2 CL. C. Cl₂. D. ²Cl.

Câu 7: Trong các chất sau, chất nào là hợp chất?

- A. Khí hiđro (H₂). B. Khí oxi (O₂).
C. Khí nitơ (N₂). D. Khí nitơ đioxit (NO₂).

Câu 8: Cho các chất có công thức hóa học O₂, He, N₂O, Al₂O₃, O₃. Số lượng các đơn chất và hợp chất lần lượt là

- A. một đơn chất và bốn hợp chất. B. bốn đơn chất và một hợp chất.
C. hai đơn chất và ba hợp chất. D. ba đơn chất và hai hợp chất.

Câu 9 . Liên kết giữa các nguyên tử trong phân tử muối ăn là liên kết

- A. cộng hóa trị. B. ion.
C. phi kim. D. kim loại.

Câu 10:Trong phân tử oxygen (O₂), khi hai nguyên tử oxygen liên kết với nhau, chúng

- A. góp chung proton.
B. chuyển electron từ nguyên tử này sang nguyên tử kia.
C. chuyển proton từ nguyên tử này sang nguyên tử kia.
D. góp chung electron.

Câu 11: Liên kết cộng hóa trị được hình thành do

- A. lực hút tĩnh điện yếu giữa các nguyên tử.
B. các cặp electron dùng chung.
C. các đám mây electron.

D. các electron hoá trị.

Câu 12. Khi hình thành phân tử sodium chloride, nguyên tử Na (sodium):

A. nhường 2 electron cho nguyên tử chlorine.

B. nhận 1 electron từ nguyên tử chlorine.

C. nhường 1 electron cho nguyên tử chlorine.

D. nhận 2 electron từ nguyên tử chlorine.

Câu 13. Trong hợp chất, nguyên tố hydrogen thường có hóa trị là bao nhiêu?

A.I

B.II

C.III

D.IV

Câu 14. Phát biểu nào sau đây **không** đúng?

A. Công thức hoá học cho biết số nguyên tử của các nguyên tố có trong phân tử của chất.

B. Công thức hoá học cho biết các nguyên tố tạo nên chất.

C. Công thức hoá học cho ta biết được khối lượng phân tử của chất.

D. Công thức hoá học cho biết được trật tự liên kết giữa các nguyên tử trong phân tử.

Câu 15: Hóa trị của các nguyên tố sau: O, Na, Al trong hợp chất lần lượt là:

A.I, II, III

B.III, II, I

C.II, I, III

D.II, III, I

Câu 16. Muối ăn (sodium chloride) được tạo nên từ 2 nguyên tố hóa học là Na (Sodium) và Cl (Chlorine). Biết Na hóa trị I, Cl: hóa trị I. Vậy công thức hóa học của muối ăn là:

A. NaCl

B. Na₂Cl

C. Na₂Cl₂

D. NCl

Câu 17. Nguyên tố X có hoá trị III, công thức của muối sunfat là:

A. XSO₄

B. X(SO₄)₃

C. X₂(SO₄)₃

D. X₃SO₄

Câu 18 . Biết N có hoá trị IV, hãy chọn công thức hoá học phù hợp với qui tắc hoá trị trong đó có các công thức sau:

A. NO

B. N₂O

C. N₂O₃

D. NO₂

Câu 19: Hạt nhân nguyên tử Sodium (Na) có 11 proton. Số hạt electron của nguyên tử Sodium (Na) là bao nhiêu?

A. 9

B. 10

C. 11

D. 12

Câu 20: Trong một nguyên tử

A. Số proton = số neutron.

C. Số electron = số proton.

B. Số electron = số neutron.

D. Số electron = số proton + số neutron.

Câu 21: Bốn nguyên tố thiết yếu nhất cho sinh vật là:

A. C, H, Na, Ca.

B. C, H, O, Na.

C. C, H, O, S.

D. C, H, O, N.

Câu 22: Kí hiệu hóa học của nguyên tố Calcium viết đúng là:

A. ca.

B. CA.

C. cA.

D. Ca.

Câu 23: Ô nguyên tố cho biết những thông tin gì về nguyên tố hóa học?

- A. Số hạt neutron, kí hiệu hóa học, tên nguyên tố và khối lượng hạt nhân.
- B. Số hiệu nguyên tử, kí hiệu hóa học, tên nguyên tố và khối lượng nguyên tử.
- C. Số hạt neutron, kí hiệu hóa học, tên nguyên tố và khối lượng nguyên tử.
- D. Số hiệu nguyên tử, kí hiệu hóa học, tên nguyên tố và khối lượng electron.

Câu 24: Trong bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học có bao nhiêu chu kì?

- A. 1 chu kì.
- B. 3 chu kì.
- C. 5 chu kì.
- D. 7 chu kì.

Câu 25: Số thứ tự của nhóm A trong bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học cho ta biết:

- A. Số lớp electron trong nguyên tử.
- B. Số electron lớp ngoài cùng của nguyên tử.
- C. Số điện tích hạt nhân của nguyên tử.
- D. Số hạt proton trong hạt nhân nguyên tử.

Câu 26: Nguyên tố Oxyen (O) có 6 electron ở lớp ngoài cùng, nguyên tố O thuộc nhóm nào?

- A. Nhóm IIA.
- B. Nhóm IVA.
- C. Nhóm VIA.
- D. Nhóm VIIA.

Câu 27: Nguyên tố chlorine (Cl) có 7 electron ở lớp ngoài cùng, nguyên tố Cl thuộc nhóm nào?

- A. Nhóm IA.
- B. Nhóm IIIA.
- C. Nhóm VA.
- D. Nhóm VIIA.

Câu 28: Hợp chất là những chất được tạo nên từ bao nhiêu nguyên tố hóa học?

- A. Chỉ 1 nguyên tố.
- B. Chỉ 2 nguyên tố.
- C. Chỉ 3 nguyên tố.
- D. Từ 2 nguyên tố trở lên.

Câu 29: Phát biểu nào đúng trong các phát biểu sau đây?

- A. Đơn chất và hợp chất giống nhau.
- B. Đơn chất là những chất tạo nên từ một nguyên tố hóa học.
- C. Hợp chất là những chất tạo nên chỉ duy nhất với hai nguyên tố hóa học.
- D. Có duy nhất một loại hợp chất.

Câu 30: Công thức hóa học nào đúng cho cặp gồm nguyên tử và nhóm nguyên tử: Al và SO_4 ?

- A. Al_2SO_4 .
- B. AlSO_4 .
- C. $\text{Al}_3(\text{SO}_4)_3$.
- D. $\text{Al}_2(\text{SO}_4)_3$.

Câu 31: Hóa trị của một nguyên tố được xác định theo hóa trị của nguyên tố khác như thế nào?

- A. H chọn làm 2 đơn vị.
- B. O làm đơn vị.
- C. H chọn làm đơn vị, O làm 2 đơn vị.
- D. H chọn làm 2 đơn vị, O là đơn vị.

Câu 32: Công thức hóa học của hợp chất có 1 nguyên tử Na, 1 nguyên tử N và 3 nguyên tử Oxygen trong phân tử là:

- A. NaNO_3 . B. Na_3NO . C. NaN_3O . D. NaNO .

Câu 33: Khi đốt cháy một chất trong Oxygen thu được khí Carbon dioxide CO_2 và hơi nước H_2O . Nguyên tố nhất thiết phải có trong thành phần của chất mang đốt là:

- A. Carbon và Hydrogen. C. Carbon, Hydrogen và Oxygen.
B. Carbon và Oxygen. D. Hydrogen và Oxygen.

Câu 34: Phát biểu nào không đúng về công thức hóa học của sulfuric acid H_2SO_4 ?

- A. Sulfuric acid được tạo thành từ nguyên tố H, S, O.
B. Trong một phân tử sulfuric acid có 2 nguyên tử H, 1 nguyên tử S và 4 nguyên tử O.
C. Khối lượng phân tử của sulfuric acid là 98 amu.
D. Sulfuric acid được tạo thành từ hợp chất H_2S và nguyên tử O.

Câu 35. Hợp chất của nguyên tố X với nhóm PO_4 có hóa trị III là XPO_4 . Hợp chất của nguyên tố Y với H là H_3Y . Vậy hợp chất của X với Y có công thức là:

- A. XY B. X_2Y C. XY_2 D. X_2Y_3

Câu 36. Hợp chất A trong ptử gồm có 1X ; 1S ; 4O liên kết với nhau . X là một ngố chưa biết. Biết ngử X có khối lượng bằng 5/4 lần ptử khí oxi. Tình CTHH của A là:

- A. CuSO_4 B. FeSO_4 C. MgSO_4 D. CaSO_4

Câu 37. Cho hợp chất A chứa 3 nguyên tố là Ca ; C ; O với tỷ lệ khối lượng là 40% Ca ; 12%C ; 48%O. Xác định công thức hóa học của A là:

- A. CaCO B. CaC_3O C. CaCO_3 D. CaCO_2

Câu 38. Phân tử copper (II) sulfate được tạo bởi các nguyên tố Cu ; S ; O trong đó % khối lượng các ngố đó lần lượt là 40% - 20% - 40%. Xác định CTHH của hợp chất đó là:

- A. Cu_4SO B. CuSO_4 C. $\text{Cu}_2\text{S}_2\text{O}$ D. CuSO_3

Câu 39. Hợp chất của nguyên tố X với O là X_2O_3 và hợp chất của nguyên tố Y với H là YH_2 . Công thức hoá học hợp chất của X với Y là:

- A. XY B. X_2Y C. XY_2 D. X_2Y_3

Câu 40. Hợp chất của nguyên tố X với S là X_2S_3 và hợp chất của nguyên tố Y với H là YH_3 . Công thức hoá học hợp chất của X với Y là:

- A. XY B. X_2Y C. XY_2 D. X_2Y_3

Bài 41. Gọi s là quãng đường đi được, t là thời gian đi hết quãng đường đó, v là tốc độ chuyển động. Công thức nào sau đây dùng để tính tốc độ chuyển động?

A. $v=s \times t$.

B. $v= \frac{s}{t}$

C. $s= \frac{v}{t}$

D. $t= \frac{v}{s}$.

Câu 42: Muốn đo tốc độ của một học sinh đang chạy trên sân trường ta nên sử dụng những dụng cụ nào sau đây?

- A. Thước kẻ và đồng hồ bấm giây.
- B. Công quang điện và đồng hồ đo hiện số.
- C. Thước dây và đồng hồ treo tường.
- D. Thước dây và đồng hồ bấm giây.

Bài 43. Một đoàn tàu hỏa đi từ ga A đến ga B cách nhau 30 km trong 45 phút. Tốc độ của đoàn tàu là

- A. 60 km/h.
- B. 40 km/h.
- C. 50 km/h.
- D. 55 km/h.

Bài 44. Một ô tô chuyển động trên đoạn đường đầu với tốc độ 54 km/h trong 20 phút, sau đó tiếp tục chuyển động trên đoạn đường kế tiếp với tốc độ 60 km/h trong 30 phút. Tổng quãng đường ô tô đi được trong 50 phút tính từ lúc bắt đầu chuyển động là:

- A. 18 km.
- B. 30 km.
- C. 48 km.
- D. 110 km.

Bài 45: Đường sắt Hà Nội – Đà Nẵng dài khoảng 880 km. Nếu tốc độ trung bình của một tàu hỏa là 55 km/h thì thời gian tàu chạy từ Hà Nội đến Đà Nẵng là

- A. 8 h.
- B. 16 h.
- C. 24 h.
- D. 32 h.

Bài 46. Từ đồ thị quãng đường – thời gian, ta không thể xác định được thông tin nào sau đây?

- A. Thời gian chuyển động.
- B. Quãng đường đi được.
- C. Tốc độ chuyển động.
- D. Hướng chuyển động.

Câu 47: Nhận xét nào sau đây không đúng?

- A. Tốc độ của phương tiện tham gia giao thông càng lớn thì khi xảy ra tai nạn mức độ nguy hiểm càng cao.
- B. Đi không đúng làn đường, phần đường là một trong những nguyên nhân chính dẫn tới tai nạn giao thông.
- C. Tốc độ của các xe tham gia giao thông càng lớn thì khoảng cách an toàn giữa hai xe tham gia giao thông càng lớn.
- D. Tốc độ của các xe tham gia giao thông càng lớn thì khoảng cách an toàn giữa các xe tham gia giao thông càng nhỏ.

Câu 48: Một xe ô tô đi từ trung tâm Hà Nội tới thành phố Vinh mất 6 giờ. Biết quãng đường tính từ trung tâm Hà Nội tới thành phố Vinh dài 300 km. Tốc độ trung bình của xe ô tô trên là:

D. Cổng quang điện và thước cuộn.

Bài 53. Trong phòng thí nghiệm, người ta thường sử dụng những dụng cụ đo nào để đo tốc độ của các vật chuyển động nhanh và có kích thước nhỏ?

- A. Thước, cổng quang điện và đồng hồ bấm giây.
- B. Thước, đồng hồ đo thời gian hiện số kết nối với cổng quang điện.
- C. Thước và đồng hồ đo thời gian hiện số.
- D. Cổng quang điện và đồng hồ bấm giây.

Bài 54. Một thí nghiệm đo tốc độ của xe đồ chơi chạy pin, khi cho xe chạy qua hai cổng quang điện cách nhau 20 cm thì thời gian xe chạy qua hai cổng quang điện được hiển thị trên đồng hồ là 1,02 s. Tính tốc độ chuyển động của xe.

- A. 19,6cm/s.
- B. 19,6 Km/h
- C. 1,96 m/s.
- D. 0,196 m/s

Bài 55. Xác định tốc độ của một người chạy cự li 100 m được mô tả trong hình dưới đây.



Tốc độ của người này là:

- A. 4,7 m/s.
- B. 4,54 m/s.
- C. 5,45 m/s.
- D. 4,54 km/h.

Bài 56. Phát biểu nào sau đây không đúng khi nói về khoảng cách an toàn giữa các xe đang lưu thông trên đường?

- A. Khoảng cách an toàn là khoảng cách đủ để phản ứng, không đâm vào xe trước khi gặp tình huống bất ngờ.
- B. Khoảng cách an toàn tối thiểu được quy định bởi Luật Giao thông đường bộ.
- C. Tốc độ chuyển động càng cao thì khoảng cách an toàn phải giữ càng lớn.
- D. Khi trời mưa hoặc thời tiết xấu, lái xe nên giảm khoảng cách an toàn.

Bài 57. Khi một người thổi sáo, tiếng sáo được tạo ra bởi sự dao động của

- A. cột không khí trong ống sáo.
- B. thành ống sáo.
- C. các ngón tay của người thổi.
- D. đôi môi của người thổi.

Bài 58. Sóng âm không truyền được trong môi trường nào?

- A. Chất rắn.
- B. Chất rắn và chất lỏng.
- C. Chân không.
- D. Chất rắn, chất lỏng và chất khí.

Bài 59. Phát biểu nào dưới đây không đúng khi nói về sóng âm?

- A. Sóng âm mang năng lượng. C. Sóng âm không truyền được trong chân không.
B. Sóng âm được tạo ra bởi các vật dao động. D. Chất rắn truyền âm kém hơn chất khí.

Bài 60. Môi trường nào sau đây truyền âm tốt nhất?

- A. Không khí. B. Nước. C. Gỗ. D. Thép.

Câu 61: Tần số là:

- A. Số dao động trong một giây. C. Số dao động trong một giờ.
B. Số dao động trong một phút. D. Số dao động trong một ngày.

Câu 62: Sóng âm được lan truyền trong không khí nhờ:

- A. Sự dao động (dãn, nén) của các lớp không khí.
B. Sự dao động của nguồn âm.
C. Sự dịch chuyển của các phần tử vật chất.
D. Sự chuyển động của các luồng không khí.

Câu 63: Âm phát ra càng trầm khi:

- A. Tần số âm càng lớn. C. Biên độ âm càng lớn.
B. Tần số âm càng nhỏ. D. Biên độ âm càng nhỏ.

Câu 64: Biên độ âm càng nhỏ thì âm phát ra càng:

- A. To.
B. Thấp.
C. Bé.
D. Cao.

Câu 65: Ban đêm yên tĩnh, khi ta đi trong ngõ nhỏ, hai bên tường cao, ngoài tiếng bước chân của mình ta thường nghe thấy một tiếng bước chân khác nữa; khi ta dừng lại thì cũng(1).....tiếng bước chân kia tạo cảm giác như có người đi theo ta do....(2).....của tiếng bước chân ta tạo nên.

- A. (1) vẫn nghe thấy; (2) tiếng vang.
B. (1) không nghe thấy; (2) tiếng vang.
C. (1) vẫn nghe thấy; (2) tiếng động.
D. (1) không nghe thấy; (2) tiếng động.

II. Phần tự luận:

Câu 1. Lập công thức hóa học và tính khối lượng phân tử của các chất trong các trường hợp sau: a. Al và O. b. Mg và O c. Al và OH

Câu 2. Lập công thức hóa học của hợp chất tạo bởi sulfur và oxygen, trong đó sulfur chiếm 40% về khối lượng còn lại là oxi, biết khối lượng phân tử của hợp chất là 80 amu.

Câu 3. Bột thạch cao có nhiều ứng dụng quan trọng như: Tạo hình trong những công trình kiến trúc, vữa trát tường, đúc tượng, làm khuôn đúc chịu nhiệt, ... Thành phần chính của bột thạch cao là calcium sulfate (CaSO_4)

- Xác định phần trăm khối lượng của các nguyên tố trong hợp chất trên?
- Hãy cho biết trong phân tử hợp chất trên, nguyên tố nào có phần trăm (%) lớn nhất?

Câu 4. Hợp chất Y tạo bởi 2 nguyên tố potassium và chlorine

- Xác định CTHH của Y biết hóa trị của nguyên tố potassium Chlorine đều là I
- Xác định thành phần phần trăm của các nguyên tố trong hợp chất

Bài 5. Tính tốc độ theo đơn vị m/s trong các trường hợp sau:

- Một vận động viên thực hiện cuộc thi chạy cự li 100 m trong 10,5 giây.
- Một con dế mèn chuyển động trên đoạn đường 10 m trong 1 phút 30 giây.
- Một con ốc sên bò dọc theo bờ tường dài 50 cm trong 30 phút.

Bài 6. Sắp xếp các tốc độ dưới đây theo thứ tự tăng dần.

- Một vận động viên bơi cự li ngắn với tốc độ 5,2 m/s.
- Một xe đạp đang chuyển động với tốc độ 18 km/h.
- Một xe buýt đang vào bến với tốc độ 250 m/min.

Bài 7. Một xe tải chạy trên đoạn đường đầu dài 45 km trong 45 phút, sau đó xe tiếp tục chạy thêm 18 km trong 20 phút. Tính tốc độ của xe tải trên mỗi đoạn đường.

Bài 8: Các biển báo khoảng cách trên đường cao tốc dùng để làm gì?

Dùng quy tắc “3 giây” để ước tính khoảng cách an toàn khi xe chạy với tốc độ 68 km/h.

ĐỀ CƯƠNG CUỐI HỌC KÌ I

MÔN: CÔNG NGHỆ 7

A. TRẮC NGHIỆM : Khoanh tròn vào đáp án đúng nhất trong các câu hỏi sau:

Câu 1. Vai trò nào sau đây không phải của trồng trọt?

- Cung cấp nguyên liệu cho chế biến sữa.
- Cung cấp gạo cho xuất khẩu.
- Cung cấp thức ăn cho chăn nuôi.
- Cung cấp rau xanh cho con người

Câu 2. Loại cây trồng nào sau đây thuộc nhóm hoa, cây cảnh?

A. Cây lạc (đậu phụng). B. Mùng toi. C. Cây điều. D. Cây hoa hồng

Câu 3. Nhóm cây trồng nào sau đây đều là cây rau?

A. Cà phê, lúa, ngô. B. X u hào, cải bắp, cà chua.
C. Khoai lang, khoai tây, mía. D. Bông, cao su, cà phê.

Câu 4. Trong các quy trình dưới đây, đâu là thứ tự đúng khi làm đất trồng cây?

A. Bừa hoặc đập nhỏ đất → Cày đất → Lên luống.
B. Cày đất → Lên luống → Bừa hoặc đập nhỏ đất.
C. Cày đất → Bừa hoặc đập nhỏ đất → Lên luống.
D. Lên luống → Cày đất → Bừa hoặc đập nhỏ đất.

Câu 5. Công việc nào dưới đây được thực hiện trước khi bón phân lót?

A. Trồng cây B. Gieo hạt. C. Tưới nước. D. Cày đất.

Câu 6. Một trong những công việc thường làm ngay sau khi trồng cây con là

A. Bón phân cho cây. B. Làm cỏ dại.
C. Tưới nước đầy đủ. D. Đào hố trồng cây.

Câu 7. Một trong những nguyên tắc phòng trừ sâu bệnh là:

A. Ưu tiên sử dụng thuốc bảo vệ thực vật hóa học.
B. Phòng là chính.
C. Phun thuốc với nồng độ cao hơn hướng dẫn sử dụng.
D. Phun thuốc với nồng độ thấp hơn hướng dẫn sử dụng.

Câu 8. Phương án nào sau đây không phải là một trong các phương pháp thu hoạch sản phẩm trồng trọt ?

A. Hái. B. Nhổ. C. Bỏ. D. Cắt

Câu 9. Trong nhân giống bằng phương pháp giâm cành, chọn cành giâm có đặc điểm nào sau đây?

A. Cành bánh tẻ B. Cành càng non càng tốt..
C. Cành càng già càng tốt. D. Cành càng to càng tốt.

Câu 10. Việc sử dụng thùng xốp đã qua sử dụng để trồng rau an toàn có ý nghĩa nào sau đây?

A. Giúp cây nhanh lớn. B. Hạn chế nguồn sâu bệnh.
C. Thuận lợi cho việc chăm sóc. D. Bảo vệ môi trường.

Câu 11. Bảo vệ di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh là vai trò của loại rừng nào sau đây?

A. Rừng phòng hộ.

B. Rừng đặc dụng.

C. Rừng sản xuất.

D. Rừng đầu nguồn.

Câu 12. Để bảo vệ rừng chúng ta không nên làm việc nào sau đây?

A. Bảo vệ rừng đầu ngu

B. Tích cực trồng rừng.

C. Khai thác gỗ càng nhiều càng tốt

D. Chăm sóc rừng thường xuyên.

Câu 13. Việc bón phân định kì trong quá trình chăm sóc rừng có tác dụng nào sau đây?

A. Cung cấp chất dinh dưỡng cho cây rừng.

B. Hạn chế sự phát triển của sâu, bệnh hại.

C. Kích thích sự phát triển của cỏ dại.

D. Làm cho đất tơi xốp, tạo điều kiện cho rễ cây phát triển.

Câu 14. Một trong các công việc chăm sóc rừng là :

A. Đốt nương làm rẫy

B. Phát quang

C. Chăn thả gia súc.

D. Phòng chống cháy rừng.

Câu 15. Nhân giống cây trồng bằng phương pháp vô tính có những phương pháp?

A. Giâm cành

B. Ghép

C. Chiết cành

D. Cả 3 đáp án trên

Câu 16. Bước 3 của quy trình trồng rau sạch là?

A. Chuẩn bị đất trồng rau

B. Gieo hạt hoặc trồng cây con

C. Chăm sóc

D. Thu hoạch

Câu 17. Có mấy cách thu hoạch rau sạch?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

Câu 18. Người ta sử dụng loại đất nào để trồng rau sạch trong thùng xốp?

A. Đất có nguồn gốc tự nhiên

B. Đất trồng rau hữu cơ

C. Cả A và B đều đúng

D. Đáp án khác

Câu 19. Theo mục đích sử dụng, người ta phân ra loại rừng nào sau đây?

A. Rừng phòng hộ

B. Rừng sản xuất

C. Rừng đặc dụng

D. Cả 3 đáp án trên

Câu 20. Vai trò rừng đặc dụng:

- A. Bảo tồn nguồn gene vi sinh vật B. Bảo vệ danh lam thắng cảnh
C. Phục vụ nghiên cứu D. Cả 3 đáp án trên

Câu 21. Rừng nào sau đây thuộc rừng phòng hộ?

- A. Rừng bạch đàn B. Vườn quốc gia U Minh Thượng – Kiên Giang
C. Rừng chắn cát ven biển D. Cả 3 đáp án trên

B.TỰ LUẬN

Câu 1. Trình bày quy trình giám canh trên cây hoa hồng?

Câu 2. Trình bày vai trò của rừng phòng hộ và rừng đặc dụng

Câu 3. Rừng giúp ích như thế nào cho cuộc sống của gia đình em và người dân địa phương nơi em sinh sống?

Câu 4: Em hãy đề xuất quy trình bón phân thúc cho một loại cây trồng em yêu thích, nêu rõ ý nghĩa (mục đích) của từng bước trong quy trình.

Câu 5: Theo em, quy trình trồng cải xanh đã áp dụng các biện pháp trồng trọt hữu cơ như thế nào?

ĐỀ CƯƠNG CUỐI HỌC KÌ I KHỐI 7 MÔN TIN HỌC

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Thiết bị nào dưới đây là thiết bị vào?

- A. Màn hình B. Máy in C. Bàn phím D. Máy chiếu

Câu 2: Thiết bị nào dưới đây là thiết bị ra?

- A. Thẻ nhớ B. Máy đọc chữ C. Đầu đọc mã vạch D. Máy chiếu

Câu 3: Phát biểu nào sau đây **sai**?

- A. Máy in đưa thông tin ra ở dạng hình ảnh, chữ.
B. Bàn phím tiếp nhận thông tin ở dạng âm thanh.
C. Chuột tiếp nhận thông tin ở dạng chữ (văn bản, con số).
D. Máy chiếu đưa thông tin ra ở dạng chữ, hình ảnh.

Câu 4: Máy in, máy chiếu là những loại thuộc kiểu thiết bị nào?

- A. Thiết bị vào B. Thiết bị ra C. Thiết bị vào ra D. Thiết bị đầu cuối

Câu 5: Một tai nghe có gắn micro sử dụng cho máy tính là loại thiết bị gì?

- A. Thiết bị vào B. Thiết bị ra.
C. Thiết bị vừa vào vừa ra. D. Không phải thiết bị vào ra.

Câu 6: Em hãy cho biết máy quét nhập dữ liệu dạng nào vào máy tính?

- A. Con số. B. Văn bản. C. Hình ảnh. D. Con số, văn bản, hình ảnh

Câu 7: Chức năng nào sau đây không phải của hệ điều hành?

- A. Quản lý các tài khoản người dùng máy tính, các phần mềm ứng dụng.
B. Hỗ trợ sao lưu dữ liệu.
C. Quản lý các tệp dữ liệu có trong máy tính.
D. Tạo và chỉnh sửa nội dung tệp văn bản.

Câu 8: Muốn đổi tên một thư mục hay một tệp của hệ điều hành Windows ta nháy chuột phải vào thư mục đó và chọn

- A. Rename B. Open C. Cut D. Copy

Câu 9: Để bảo vệ dữ liệu em có thể sử dụng các cách nào sau đây?

- A. Sao lưu dữ liệu ở bộ nhớ ngoài (ổ cứng ngoài, USB, thẻ nhớ,...) hoặc lưu trữ trên Internet nhờ công nghệ đám mây.
B. Cài đặt chương trình phòng chống virus.
C. Đặt mật khẩu mạnh để truy cập vào máy tính hoặc tài khoản trên mạng.
D. Cả A, B, C.

Câu 10: Thao tác nào sau đây tắt máy tính 1 cách an toàn.

- A. Sử dụng nút lệnh Restart của Windows. B. Sử dụng nút lệnh Shutdown của Windows
C. Nhấn giữ công tắc nguồn và dây. D. Rút dây nguồn khỏi ổ cắm.

Câu 11: Theo em **không** nên làm việc gì dưới đây?

- A. Giữ tay khô và sạch khi thao tác với máy tính.
B. Gõ phím nhẹ dứt khoát.
C. Tắt máy tính bằng cách ngắt nguồn điện.
D. Đóng các chương trình ứng dụng rồi tắt máy tính bằng chức năng Shutdown.

Câu 12: Sắp xếp thứ tự đúng theo các bước để sao chép một thư mục sang thư mục khác:

- 1) Chọn nơi cần sao chép đến
- 2) Nháy nút phải chuột, chọn Paste
- 3) Chọn thư mục cần sao chép
- 4) Nháy nút phải chuột tại thư mục, chọn lệnh Copy

- A. 1, 2, 3, 4 B. 3, 4, 1, 2
C. 3, 1, 2, 4 D. 2, 1, 3, 4

Câu 13: Trong các phần mềm sau đây đâu là hệ điều hành?

- A. MS Word B. iOS C. Google Chrome D. iMindMap10

Câu 14: Trong các phần mềm dưới đây, đâu là phần mềm ứng dụng?

- A. Windows 10 B. iOS C. Linux D. MS Word

Câu 15: Trong các website dưới đây, website nào là mạng xã hội?

A. <https://instagram.com>

B. <https://hoc10.vn>

C. <https://hoahoctro.tienphong.vn>

D. <https://thieunien.vn>

Câu 16: Trong các câu dưới đây, câu nào đúng?

- A. Chỉ có người hoặc tổ chức tạo ra mạng xã hội mới đưa được thông tin lên đó.
- B. Chỉ cần truy cập vào mạng xã hội là có thể đưa tin tức lên đó mà không cần đăng kí tài khoản sử dụng.
- C. Người dùng có thể đăng những thông tin mà mình muốn lên mạng xã hội, miễn là có tài khoản sử dụng và không cần kết nối Internet.
- D. Có thể kết nối với những người không quen biết trên mạng xã hội.

Câu 17: Đáp án nào sau đây nói về lợi ích của mạng xã hội?

- A. Dễ bắt nạt trên mạng.
- B. Có nguy cơ tiếp xúc với thông tin giả, sai sự thật.
- C. Thông tin cá nhân trên mạng xã hội có thể bị sử dụng với mục đích xấu.
- D. Sử dụng mạng xã hội dễ dàng trao đổi, thảo luận về các chủ đề học tập và cuộc sống.

Câu 18: Trong các câu sau, câu nào **sai**?

- A. Mạng xã hội giúp em giới thiệu bản thân, thể hiện quan điểm.
- B. Sử dụng mạng xã hội quá nhiều dễ dẫn đến trầm cảm, học hành sa sút.
- C. Mạng xã hội là nơi tuyệt đối an toàn, không ai bị lừa hay bị lôi kéo vào những việc làm phạm pháp.
- D. Mạng xã hội làm tăng tương tác trong cộng đồng ảo, giảm tương tác trực tiếp giữa người với người.

Câu 19: Đặc điểm nào sau đây là **hạn chế** của mạng xã hội?

- A. Thông tin đa dạng, phong phú.
- B. Có thể tham gia diễn đàn hay nhóm trao đổi, hỗ trợ học tập.
- C. Việc lạm dụng quá nhiều các giao tiếp trực tuyến dẫn đến sự xa rời thế giới thực.
- D. Học hỏi được từ những người có kinh nghiệm, hiểu biết.

Câu 20: Khi tham gia mạng xã hội, em nên:

- A. “Bêu xấu” hình ảnh người khác.
- B. Nhờ bạn giúp đe dọa lại người bắt nạt mình.
- C. Xúc phạm người khác.
- D. Luôn lịch sự, nhã nhặn, lời nói chuẩn mực, câu từ rõ ràng tránh gây hiểu lầm.

Câu 21: Khi sử dụng phương tiện truyền thông số nơi công cộng, em **không** nên:

- A. Tôn trọng những người xung quanh.
- B. Không nhìn vào điện thoại khi đang giao tiếp với ai đó.
- C. Nói chuyện quá to hay cười phá lên khi trò chuyện, xem mạng xã hội hay nhận tin nhắn.
- D. Giữ gìn hình ảnh bản thân trên không gian mạng, suy nghĩ thật kĩ trước khi đăng tải thông tin lên trên mạng.

Câu 22: Cách phòng tránh việc bị dụ dỗ và bắt nạt trên mạng là:

- A. Không nói chuyện và cung cấp thông tin cá nhân cho người lạ, người mới quen trên mạng.
- B. Làm theo những lời nói của người lạ trên mạng.
- C. Thường xuyên kết bạn và nhắn tin với người lạ.
- D. Không nói với bố mẹ, thầy cô khi có dấu hiệu bị dụ dỗ, bắt nạt

Câu 23: Hoạt động nào sau đây dễ gây bệnh nghiện Internet nhất?

- A. Đọc tin tức.
- B. Chơi trò chơi trực tuyến.
- C. Học tập trực tuyến.
- D. Trao đổi thông tin qua thư điện tử.

Câu 24: Cách phòng tránh các tác hại, rủi ro và nguy cơ vi phạm pháp luật là:

- A. Không lan truyền tin giả, bài viết xuyên tạc sự thật, hình ảnh đồi trụy.
- B. Không xác minh thông tin trước khi đăng tải lên mạng xã hội.
- C. Đăng tải những thông tin có mục đích công kích người khác.
- D. Dùng mật khẩu của người khác mà không được cho phép.

Câu 25: Thuật toán tìm kiếm tuần tự thực hiện công việc gì?

- A. Lưu trữ dữ liệu.
- B. Sắp xếp dữ liệu theo chiều tăng dần.
- C. Xử lý dữ liệu.
- D. Tìm kiếm dữ liệu cho trước trong một danh sách đã cho

Câu 26: Thuật toán tìm kiếm tuần tự thực hiện công việc như thế nào?

- A. Sắp xếp lại dữ liệu theo thứ tự của bảng chữ cái.
- B. Xem xét mục dữ liệu đầu tiên, sau đó xem xét lần lượt từng mục dữ liệu tiếp theo cho đến khi tìm thấy mục dữ liệu được yêu cầu hoặc đến khi hết danh sách.
- C. Chia nhỏ dữ liệu thành từng phần để tìm kiếm.
- D. Bắt đầu tìm từ vị trí bất kì của danh sách.

Câu 27: Thực hiện thuật toán tìm kiếm tuần tự để tìm số 10 trong danh sách [2, 6, 8, 4, 10, 12]. Đầu ra của thuật toán là?

- A. Thông báo “Không tìm thấy”.
- B. Thông báo “Tìm thấy”.
- C. Thông báo “Tìm thấy”, giá trị cần tìm tại vị trí thứ 5 của danh sách.
- D. Thông báo “Tìm thấy”, giá trị cần tìm tại vị trí thứ 6 của danh sách.

Câu 28: Thuật toán tìm kiếm nhị phân được sử dụng trong trường hợp nào?

- A. Tìm một phần tử trong danh sách bất kì
- B. Tìm một phần tử trong danh sách đã được sắp xếp

Câu 29: Thuật toán tìm kiếm nhị phân cần bao nhiêu bước để tìm thấy “Mai” trong danh sách [“Hoa”, “Lan”, “Ly”, “Mai”, “Phong”, “Vi”]

- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4

Câu 30: Điều gì xảy ra khi thuật toán tìm kiếm nhị phân không tìm thấy giá trị cần tìm trong danh sách

- A. Tiếp tục tìm kiếm và không bao giờ kết thúc
- B. Thông báo Tìm thấy và tiến tiếp xem còn phần tử nào khác nữa không.
- C. Thông báo Tìm thấy và kết thúc
- D. Thông báo "Không tìm thấy và kết thúc"

II. PHẦN TỰ LUẬN

Bài 1:

- a) Em hãy nêu chức năng của hệ điều hành?
- b) Nêu một số hệ điều hành dành cho máy tính và điện thoại thông minh?

Bài 2: Em hãy cho biết những điều nên và không nên khi tham gia mạng xã hội?

Bài 3: Nếu một trong những người bạn của em có biểu hiện nghiện trò chơi trực tuyến. Em sẽ làm gì để giúp bạn?

Bài 4:

“Đưa thông tin sai sự thật lên mạng, sử dụng thông tin vào mục đích sai trái là hành vi bị nghiêm cấm và có thể bị phạt theo quy định của pháp luật”. Theo em điều đó là “Đúng” hay “Sai”. Em hãy giải thích.

Bài 5: Cho danh sách học sinh sau đây:

TT	Họ tên	Ngày sinh
1	Nguyễn Châu Anh	14/12/2010
2	Nguyễn Phương Chi	09/02/2010
3	Hà Minh Đức	05/01/2010
4	Văn Minh Hằng	26/10/2010
5	Lê Đức Huy	18/01/2010

Em hãy tạo bảng liệt kê các bước thực hiện thuật toán tìm kiếm tuần tự để tìm học sinh đầu tiên sinh vào tháng Một.

Bài 6: Cho bảng điểm môn Tin học của học sinh tổ một như sau:

TT	Họ tên	Điểm
1	Nguyễn Châu Anh	7,5
2	Nguyễn Phương Chi	9,0
3	Hà Minh Đức	8,0
4	Văn Minh Hằng	8,5
5	Ngô Phương Thảo	9,5
6	Ngô Hà Trang	10

- a) Em hãy sắp xếp lại danh sách theo thứ tự tăng dần của Điểm.
- b) Em hãy liệt kê các bước lập thực hiện thuật toán tìm kiếm nhị phân để tìm học sinh được điểm 9,5 môn Tin học. Hãy cho biết tên học sinh đó.

